



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	03
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2015	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	07
Thuyết minh báo cáo tài chính	08 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 132.827.530.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy Công ty được đặt tại Số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, TP. Hồ Chí Minh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ghi chú</u>
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/4/2015
Ông Trần Văn Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/4/2015
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/4/2015
Ông Tô Đức Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/4/2015

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc





Số: 16.102/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 35 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục 12 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đến việc Công ty đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Công ty vào một công ty khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.109.350.643.416	951.627.618.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.979.463.550	113.004.782.955
1. Tiền	111		38.979.463.550	43.004.782.955
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	170.000.000.000	80.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		170.000.000.000	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		491.582.601.669	392.573.907.308
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	529.802.233.574	429.247.851.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.586.751.341	1.030.340.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	16.979.645.927	19.162.425.783
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(56.786.029.173)	(56.866.710.854)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	403.916.220.814	363.624.706.991
1. Hàng tồn kho	141		410.877.464.564	370.585.950.741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.961.243.750)	(6.961.243.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.872.357.383	2.424.220.810
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	2.710.770.158	2.266.376.895
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		189.086.911	145.197.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	1.972.500.314	12.645.926
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		329.904.675.368	338.049.238.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		559.850.981	780.089.247
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	559.850.981	780.089.247
II. Tài sản cố định	220		98.221.811.344	104.268.876.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	36.651.139.238	41.522.597.512
Nguyên giá	222		115.475.322.549	115.180.162.326
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.824.183.311)	(73.657.564.814)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	61.570.672.106	62.746.278.620
Nguyên giá	228		67.337.362.216	67.337.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.766.690.110)	(4.591.083.596)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	31.435.880.411	32.103.883.083
Nguyên giá	231		42.360.278.761	42.360.278.761
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.924.398.350)	(10.256.395.678)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.590.354.489	1.557.333.324
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.590.354.489	1.557.333.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	194.370.164.098	194.312.964.098
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.184.040.000)	(1.241.240.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.726.614.045	5.026.092.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.726.614.045	5.026.092.304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.439.255.318.784	1.289.676.856.252

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		780.615.036.992	676.565.301.587
I. Nợ ngắn hạn	310		743.768.332.100	639.790.255.095
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	367.362.789.086	392.336.853.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		452.749.146	443.969.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	26.028.746.672	13.595.187.301
4. Phải trả người lao động	314		41.006.949.567	38.578.960.567
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	77.439.939.875	46.260.135.330
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	128.324.006.770	130.978.728.093
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	90.074.188.545	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.078.962.439	17.596.420.745
II. Nợ dài hạn	330		36.846.704.892	36.775.046.492
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	36.846.704.892	36.775.046.492
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		658.640.281.792	613.111.554.665
I. Vốn chủ sở hữu	410		658.640.281.792	613.111.554.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	132.827.530.000	132.827.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.827.530.000	132.827.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.731.808.592	70.731.808.592
3. Cổ phiếu quỹ	415		(702.100.000)	(702.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.545.895.350	246.777.191.829
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.793.269.911	27.552.225.851
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.16.1	197.443.877.939	135.924.898.393
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	5.16.1	127.908.747.808	94.816.770.002
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.16.1	69.535.130.131	41.108.128.391
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.439.255.318.784	1.289.676.856.252

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC DUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.048.041.627.206	1.022.111.855.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.545.018.203	6.848.256.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.041.496.609.003	1.015.263.599.758
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	735.889.504.005	716.134.204.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		305.607.104.998	299.129.394.802
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.869.616.739	6.323.969.798
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5.376.067.628	3.201.020.607
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.966.934.896	3.093.625.149
8. Chi phí bán hàng	24	6.6	194.292.831.069	180.339.006.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	23.159.732.403	37.104.872.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.648.090.637	84.808.464.970
11. Thu nhập khác	31		1.964.459.767	1.516.258.907
12. Chi phí khác	32		2.004.207.640	4.636.535.928
13. Lợi nhuận khác	40		(39.747.873)	(3.120.277.021)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.608.342.764	81.688.187.949
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	20.073.212.633	27.189.068.383
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.535.130.131	54.499.119.566
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16.4	4.738	3.457
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.16.5	3.436	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯƠNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		645.126.586.574	628.722.296.502
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(840.523.281.286)	(680.643.028.878)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(92.343.942.527)	(78.829.651.494)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.966.934.896)	(3.093.625.149)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10.868.597.292)	(48.779.168.370)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		323.449.347.296	335.010.155.844
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(80.855.028.534)	(69.811.859.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.981.850.665)	82.575.118.636
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.015.304.437)	(940.133.739)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		578.288.082	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(170.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(495.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.176.865.270	5.564.076.679
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(86.260.151.085)	4.128.942.940
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		301.304.865.916	444.066.411.327
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(211.230.677.371)	(407.620.877.077)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(19.857.506.200)	(7.662.896.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		70.216.682.345	28.782.637.650
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(74.025.319.405)	115.486.699.226
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		113.004.782.955	142.094.118.629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		38.979.463.550	257.580.817.855

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯỞNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 132.827.530.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy Công ty được đặt tại Số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.123 (31/12/2014: 1.115).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết: Công ty TNHH Hải Yến	Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Xem thêm mục 13		
Công ty CP Thương Mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông	Số 161, Quốc lộ 30, Phường Phú Mỹ, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	40,92%	40,92%	40,92%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 6 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Nha Trang	Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Đắk Lak	Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Cần Thơ	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh An Giang	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Kiên Giang	Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Long An	Quốc lộ 62, Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An
Chi nhánh Nghệ An	Số 28, Đường Trần Phú, Phường Hồng sơn, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 154, Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Đồng Nai	Số 32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Sơn La	Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Văn Phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Đà Lạt	Lô B10, Đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.2. Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin trên báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.26.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.10. Tài sản cố định vô hình***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự kiến.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 20 – 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11. Thuê tài sản***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUỖ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	17 – 30 năm
+ Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không khấu hao

4.13. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí bán hàng được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào các chính sách bán hàng.

4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty như sau: quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ cộng (+) với số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Giống cây trồng: không chịu thuế
- Thuốc nông dược: 5%
- Các dịch vụ khác: theo qui định Nhà nước.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.26. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm	VND
	(Được báo cáo lại)	Đầu năm
		(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	19.162.425.783	15.724.732.587
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.437.693.196
Phải thu dài hạn khác	780.089.247	-
Tài sản dài hạn khác	-	780.089.247
Quỹ đầu tư phát triển	246.777.191.829	213.570.309.329
Quỹ dự phòng tài chính	-	33.206.882.500

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Các khoản mục	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng, kí quỹ kí cược ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Quỹ dự phòng tài chính	Trình bày là quỹ đầu tư phát triển	Trình bày là quỹ dự phòng tài chính

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ này:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.004.782.955	193.004.782.955
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000.000.000	-

Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích)

	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	VND Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	180.339.006.260	179.883.072.606
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.104.872.763	37.560.806.417

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	VND Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	335.010.155.844	924.271.119.085
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(69.811.859.819)	(659.072.823.060)

Việc sắp xếp lại số liệu so sánh là để trình bày phù hợp hơn với bản chất của các khoản mục vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc sắp xếp lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	3.611.764.228	7.869.903.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.367.699.322	35.134.879.868
Các khoản tương đương tiền	-	70.000.000.000
Cộng	38.979.463.550	113.004.782.955

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn:					
Tiền gửi có kỳ hạn	170.000.000.000	170.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 12	179.514.814.098	-	179.514.814.098	-	
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	13.790.000.000	-	13.790.000.000	-	
Cộng	193.304.814.098	-	193.304.814.098	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	2.249.390.000	(1.184.040.000)	2.249.390.000	(1.241.240.000)	
Cộng	2.249.390.000	(1.184.040.000)	2.249.390.000	(1.241.240.000)	

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số phải thu khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.4. Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Phải thu khách hàng liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	11.066.825.240	-	9.615.905.000	-	
Ký cược, ký quỹ	323.013.205	-	462.792.027	-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	92.383.559	-	1.291.927.144	-	
Phải thu người lao động về thuế TNCN đã nộp hộ	2.123.303.373	-	1.662.853.935	-	
Tạm ứng	2.880.425.089	-	2.974.901.169	-	
Phải thu khác	493.695.461	-	3.154.046.508	-	
Cộng	16.979.645.927	-	19.162.425.783	-	
Dài hạn:					
Ký cược, ký quỹ	559.850.981	-	780.089.247	-	
Cộng	559.850.981	-	780.089.247	-	

Trong khoản phải thu liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có khoản phải thu của bên có liên quan số tiền là 5.926.825.240 VND – Xem thêm mục 9.

5.5. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	69.698.161.391	69.698.161.391	69.698.161.391	69.698.161.391	

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng đang đi trên đường	17.934.576.176	-	5.556.918.816	-	
Nguyên liệu, vật liệu	133.443.432.741	6.961.243.750	119.453.785.387	6.961.243.750	
Công cụ, dụng cụ	1.050.532.599	-	997.816.436	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.850.456.635	-	3.021.025.683	-	
Thành phẩm	38.876.156.982	-	39.502.303.446	-	
Hàng hóa	214.722.309.431	-	202.054.100.973	-	
Cộng	410.877.464.564	6.961.243.750	370.585.950.741	6.961.243.750	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	25.441.079.812	9.254.090.267	76.637.574.554	3.724.537.193	122.880.500	115.180.162.326
Mua trong kỳ	-	170.856.000	1.732.017.272	-	-	1.902.873.272
Thanh lý, nhượng bán	-	(168.000.000)	(1.288.168.812)	(72.544.237)	-	(1.528.713.049)
Giảm khác	-	-	-	(79.000.000)	-	(79.000.000)
Số dư cuối kỳ	25.441.079.812	9.256.946.267	77.081.423.014	3.572.992.956	122.880.500	115.475.322.549
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	15.015.552.080	7.582.641.963	47.968.923.706	2.996.441.566	94.005.499	73.657.564.814
Khấu hao trong kỳ	634.627.407	442.687.403	5.248.829.101	296.170.968	6.416.667	6.628.731.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(22.400.000)	(1.288.168.812)	(72.544.237)	-	(1.383.113.049)
Giảm khác	-	-	-	(79.000.000)	-	(79.000.000)
Số dư cuối kỳ	15.650.179.487	8.002.929.366	51.929.583.995	3.141.068.297	100.422.166	78.824.183.311
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	10.425.527.732	1.671.448.304	28.668.650.848	728.095.627	28.875.001	41.522.597.512
Tại ngày cuối kỳ	9.790.900.325	1.254.016.901	25.151.839.019	431.924.659	22.458.334	36.651.139.238

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.912.179.268 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	63.884.969.716	3.452.392.500	67.337.362.216
Số dư cuối kỳ	63.884.969.716	3.452.392.500	67.337.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	3.083.405.472	1.507.678.124	4.591.083.596
Khấu hao trong kỳ	715.520.892	460.085.622	1.175.606.514
Số dư cuối kỳ	3.798.926.364	1.967.763.746	5.766.690.110
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	60.801.564.244	1.944.714.376	62.746.278.620
Tại ngày cuối kỳ	60.086.043.352	1.484.628.754	61.570.672.106

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.138.906.844 VND.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	7.619.891.500	-	-	7.619.891.500
Nhà	34.740.387.261	-	-	34.740.387.261
Cộng	42.360.278.761	-	-	42.360.278.761
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	10.256.395.678	668.002.672	-	10.924.398.350
Cộng	10.256.395.678	668.002.672	-	10.924.398.350
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	7.619.891.500	-	-	7.619.891.500
Nhà	24.483.991.583	-	(668.002.672)	23.815.988.911
Cộng	32.103.883.083	-	(668.002.672)	31.435.880.411

5.10. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.610.511.983	1.120.397.166
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	770.361.876	758.590.082
Bảo hiểm	191.476.892	266.048.169
Chi phí trả trước khác	138.419.407	121.341.478
Cộng	2.710.770.158	2.266.376.895
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.498.043.897	4.097.162.598
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	58.719.999	117.439.999
Bảo hiểm	-	10.636.271
Các khoản khác	169.850.149	800.853.436
Cộng	3.726.614.045	5.026.092.304

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUỖ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TNHH MTV ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ANZ)	51.137.833.542	51.137.833.542	154.622.950.223	103.485.116.681	-	-	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (HSBC)	38.936.355.003	38.936.355.003	146.681.915.693	107.745.560.690	-	-	
Cộng	90.074.188.545	90.074.188.545	301.304.865.916	211.230.677.371	-	-	

Khoản vay ngân hàng ANZ nhằm mục đích mua nguyên vật liệu nhập khẩu và chịu lãi suất từ 4,8% - 5,3%/năm.

Khoản vay ngân hàng HSBC nhằm mục đích mua nguyên vật liệu nhập khẩu và chịu lãi suất từ 4,7% - 6,14%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng Bảo hiểm rủi ro tài sản số DAN.D05.AD.15.HD107 ngày 11 tháng 4 năm 2015.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUỖ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.12. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	226.509.422.914	226.509.422.914	259.919.261.028	259.919.261.028
Công ty Itochu Chemical Frontier Corporation	45.138.392.000	45.138.392.000	40.765.394.400	40.765.394.400
Công ty Summit Agro International Ltd.	44.507.707.960	44.507.707.960	54.221.133.930	54.221.133.930
Phải trả cho các đối tượng khác	51.207.266.212	51.207.266.212	37.431.064.382	37.431.064.382
Cộng	367.362.789.086	367.362.789.086	392.336.853.740	392.336.853.740

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế GTGT phải nộp	1.288.234.875	12.955.061.525	9.964.465.930	4.278.830.470
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.181.835.492	12.181.835.492	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.663.214.492	1.663.214.492	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.664.630.363	20.073.212.633	10.868.597.292	19.869.245.704
Thuế thu nhập cá nhân	663.478.495	6.239.103.222	5.662.648.025	1.239.933.692
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	43.771.747	43.771.747	-
Các loại thuế khác	978.843.568	1.869.177.039	2.207.283.801	640.736.806
Cộng	13.595.187.301	55.025.376.150	42.591.816.779	26.028.746.672
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	6.079.633	13.823.070.800	12.181.835.492	1.647.314.941
Thuế xuất, nhập khẩu	6.566.293	1.949.833.572	1.663.214.492	293.185.373
Thuế môi trường	-	158.158.400	126.158.400	32.000.000
Cộng	12.645.926	15.931.062.772	13.971.208.384	1.972.500.314

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Trích trước chi phí khuyến mãi, hỗ trợ và chi phí bán hàng	77.439.939.875	46.260.135.330

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.15. Phải trả khác

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	597.214.541	547.021.196
Bảo hiểm xã hội	1.464.259.235	-
Bảo hiểm y tế	253.050.926	-
Bảo hiểm thất nghiệp	111.861.002	-
Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	147.112.825	460.687.079
Khoản hỗ trợ từ NCC chi phí marketing, bán hàng	7.423.615.428	11.426.868.601
Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 9	116.500.000.000	116.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.826.892.813	2.044.151.217
Cộng	128.324.006.770	130.978.728.093
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.061.804.892	1.990.146.492
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến	34.784.900.000	34.784.900.000
Cộng	36.846.704.892	36.775.046.492

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
				Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính			Cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	187.285.913.495	32.431.882.500	15.790.760.573	131.641.873.092	570.007.668.252
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	54.499.119.566	54.499.119.566
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(6.604.321.500)	(6.604.321.500)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	11.053.099.355	775.000.000	6.684.366.452	(18.512.465.807)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.842.479.484)	(8.842.479.484)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.105.309.935)	(1.105.309.935)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	198.339.012.850	33.206.882.500	22.475.127.025	151.076.415.932	607.954.676.899
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	47.042.856.961	47.042.856.961
Tạm chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(26.417.286.000)	(26.417.286.000)
Tạm trích quỹ thuộc VCSH năm 2014	-	-	-	15.231.296.479	-	5.077.098.826	(20.308.395.305)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	-	-	(12.185.037.183)	(12.185.037.183)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(3.283.656.012)	(3.283.656.012)
Phân loại lại	-	-	-	33.206.882.500	(33.206.882.500)	-	-	-
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	246.777.191.829	-	27.552.225.851	135.924.898.393	613.111.554.665
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	69.535.130.131	69.535.130.131
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(19.812.964.500)	(19.812.964.500)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.181.389.694)	(3.181.389.694)
Hoàn nhập trích quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	(15.231.296.479)	-	(5.077.098.826)	20.308.395.305	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(681.857.114)	(330.191.696)	(1.012.048.810)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	231.545.895.350	-	26.793.269.911	197.443.877.939	658.640.281.792

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	132.827.530.000	132.827.530.000
Cổ phiếu quỹ	(702.100.000)	(702.100.000)
Cộng	132.125.430.000	132.125.430.000

5.16.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.282.753	13.282.753
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	13.282.753	13.282.753
Cổ phiếu phổ thông	13.282.753	13.282.753
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	74.110	74.110
Cổ phiếu phổ thông	74.110	74.110
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	13.208.643	13.208.643
Cổ phiếu phổ thông	13.208.643	13.208.643
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	69.535.130.131	54.499.119.566
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.953.513.013)	(8.842.479.484)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.208.643	13.208.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4.738	3.457

5.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	69.535.130.131	-
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.953.513.013)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.208.643	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	5.002.881	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.436	-

5.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	246.777.191.829	27.552.225.851
Trích trong kỳ	-	5.000.000.000
Chi trong kỳ	-	(681.857.114)
Hoàn nhập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(15.231.296.479)	(5.077.098.826)
Số dư cuối kỳ	231.545.895.350	26.793.269.911

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ:		
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	17.415.115.366

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	173.020,45	101.808,27

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	507.684.633	427.002.952

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	894.127.170.541	884.962.739.941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	149.139.637.289	132.482.793.638
Doanh thu bất động sản đầu tư	4.774.819.376	4.666.322.379
Cộng	1.048.041.627.206	1.022.111.855.958

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chiết khấu thương mại	4.568.698.203	6.848.256.200
Hàng bán bị trả lại	1.976.320.000	-
Cộng	6.545.018.203	6.848.256.200

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	459.035.808.938	476.919.459.528
Giá vốn của thành phẩm đã bán	209.997.345.410	176.398.405.642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	89.347.022.700	77.478.268.156
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	405.847.740	405.847.740
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(22.896.520.783)	(15.067.776.110)
Cộng	735.889.504.005	716.134.204.956

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.012.415.270	4.844.076.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia	164.450.000	720.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.569.588.150	733.650.417
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.163.319	25.872.196
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	370.506
Cộng	6.869.616.739	6.323.969.798

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.966.934.896	3.093.625.149
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.001.579.850	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.464.752.882	704.595.458
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(57.200.000)	(597.200.000)
Cộng	5.376.067.628	3.201.020.607

6.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	78.718.668.399	63.089.285.878
Chi phí khấu hao	3.397.922.750	3.059.281.033
Chi phí chính sách bán hàng	69.903.687.086	68.717.636.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.714.059.428	39.664.870.865
Chi phí bằng tiền khác	5.558.493.406	5.807.932.026
Cộng	194.292.831.069	180.339.006.260

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.099.154.821	20.842.088.079
Chi phí khấu hao	2.876.264.037	2.627.929.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.671.283.967	4.150.072.210
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	-	8.508.500.060
Các khoản chi phí QLDN khác	1.513.029.578	976.283.079
Cộng	23.159.732.403	37.104.872.763

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	89.608.342.764	81.688.187.949
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	1.797.982.840	40.480.840.410
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	(164.450.000)	(720.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	91.241.875.604	121.449.028.359
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	20.073.212.633	26.718.786.239
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước	-	470.282.144
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	20.073.212.633	27.189.068.383

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	712.807.974.205	679.050.837.063
Chi phí nhân công	126.419.947.784	109.763.420.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.472.340.732	7.528.131.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.121.114.086	8.811.596.516
Chi phí khác bằng tiền	118.312.334.977	127.173.351.630
Cộng	975.133.711.784	932.327.336.970

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đã vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường VND
301.304.865.916

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường VND
211.230.677.371

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Tây Nguyên
- Miền Nam

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>ĐVT: triệu đồng</u> <u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	146.147	129.564	87.384	86.637	59.719	55.594	748.246	743.469	1.041.496	1.015.264
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	146.147	129.564	87.384	86.637	59.719	55.594	748.246	743.469	1.041.496	1.015.264
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	34.574	33.375	26.493	26.037	14.561	13.385	138.189	213.462	213.817	286.259
Chi phí không phân bổ									125.702	207.694
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									88.115	78.565
Thu nhập tài chính									6.870	6.324
Chi phí tài chính									5.376	3.201
Lợi nhuận trước thuế									89.609	81.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp									20.073	27.189
Lợi nhuận sau thuế									69.536	54.499
Các thông tin khác										
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	350.716	174.461	169.320	160.325	159.486	73.435	759.733	881.455	1.439.255	1.289.676
Tài sản không phân bổ									-	-
Tổng tài sản									1.439.255	1.289.676
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ phải trả của bộ phận	101.988	(304)	39.918	149	39.199	72	599.510	676.648	780.615	676.565
Nợ phải trả không phân bổ									-	-
Tổng nợ phải trả									780.615	676.565
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	615	1.391	558	1.120	558	-	171	2.305	1.902	4.816

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận thứ yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

ĐVT: triệu đồng

	<u>Dịch vụ khử trùng</u>		<u>Kinh doanh nông dược</u>		<u>Kinh doanh giống cây</u>		<u>Kinh doanh BĐS</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	149.140	132.483	805.396	805.705	82.186	72.409	4.775	4.666	1.041.497	1.015.263
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	149.140	132.483	805.396	805.705	82.186	72.409	4.775	4.666	1.041.497	1.015.263
	<u>Dịch vụ khử trùng</u>		<u>Kinh doanh nông dược</u>		<u>Kinh doanh giống cây</u>		<u>Kinh doanh BĐS</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	202.524	251.514	1.093.690	804.847	111.605	201.211	31.436	32.104	1.439.255	1.289.676
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	171	1.109	1.117	119	615	-	-	-	1.903	1.228

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUỖ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông
2. Công ty TNHH Hải Yến
3. Bà Nguyễn Bạch Tuyết
4. Ông Trương Công Cứ

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu		
Bà Nguyễn Bạch Tuyết – Xem thêm mục 5.4	5.926.825.240	5.926.825.240

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả		
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 5.15	(116.500.000.000)	(116.500.000.000)

Đây là khoản tiền tạm mượn để bổ sung vốn lưu động và không chịu lãi suất.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty	8.715.906.000	5.847.605.971
Lương các nhân viên chủ chốt khác của Công ty	1.215.610.900	898.265.694
Cộng	9.931.516.900	6.745.871.665

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.398.147.273	1.110.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.333.283.636	2.003.630.909
Trên 1 năm đến 5 năm	2.044.500.000	2.526.000.000
Cộng	3.377.783.636	4.529.630.909

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	4.774.819.376	4.666.322.379

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRƯNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.671.090.938	7.601.136.422
Trên 1 năm đến 5 năm	4.842.173.961	4.842.173.961
Cộng	8.513.264.899	12.443.310.383

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 16 tháng 4 năm 2015 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu là 182.856.340.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong giai đoạn thực hiện, do đó Công ty chưa ghi nhận tăng vốn.

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 01 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại Số 64, Đường Trần Quốc Toàn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên – Xem thêm mục 5.2.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/2015/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2015, Công ty quyết định giải thể chi nhánh Đà Lạt tại Lô B10, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi nhánh trên vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 11 tháng 8 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
		
PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG	NGUYỄN NGỌC DUNG	TRƯƠNG CÔNG CỨ

